

Phần 2: YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CUNG CẤP
Chương V: PHẠM VI CUNG CẤP

Mục 1. Phạm vi và tiến độ cung cấp thuốc

1. Phạm vi cung cấp

Phạm vi cung cấp: Thuốc dự thầu phải đáp ứng các yêu cầu về: Tên hoạt chất, nồng độ, hàm lượng, đường dùng, dạng bào chế, quy cách cụ thể, đơn vị tính, số lượng, nhóm thuốc, và các yêu cầu khác được nêu tại Mẫu số 00 - Bảng phạm vi cung cấp, tiến độ cung cấp và yêu cầu kỹ thuật của thuốc

2. Biểu tiến độ cung cấp

- Thuốc phải được giao hàng thành nhiều đợt, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, theo yêu cầu (dự trù) của chủ đầu tư.
- Thuốc phải được giao chậm nhất sau 2 ngày kể từ ngày nhận được dự trù của chủ đầu tư; trường hợp đột xuất: Cấp cứu, thiên tai, dịch bệnh thì cung ứng ngay trong vòng 12h theo yêu cầu của chủ đầu tư.

Mẫu số 00 - Bảng phạm vi cung cấp, tiến độ cung cấp và yêu cầu kỹ thuật của thuốc mời thầu

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ/hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Nhóm thuốc	Tiến độ cung cấp
1	T.01	Paracetamol + Phenylephrin HCl	500mg + 10mg	Uống	Viên	Viên	10.000	720.588.790	4	6 tháng
2	T.02	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat)	500mg	Uống	Viên nang	Viên	30.000		1	6 tháng
3	T.03	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	(200mg+225mg+25mg)/5ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Gói	350		4	6 tháng
4	T.04	Amlodipin (dưới dạng Amlodipin besilat)	5mg	Uống	Viên nang	viên	25.000		1	6 tháng
5	T.05	Ketoconazol	20mg/g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	tuýp	250		2	6 tháng

6	T.06	Eucalyptol + Menthol + Tinh dầu tần + Tinh dầu gừng + Tinh dầu trầm	100mg + 0,5mg + 0,36mg + 0,75mg + 50mg	Uống	Viên nang	Viên	30.000		4	6 tháng
7	T.07	Metformin hydrochlorid	850mg	Uống	Viên	Viên	500		Biệt được gốc	6 tháng
8	T.08	Betamethason dipropionat + Clotrimazol + Gentamicin	(6,4mg + 100mg + 10mg)/10g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	1.500		4	6 tháng
9	T.09	Domperidone	10mg	Uống	Viên	viên	10.000		1	6 tháng
10	T.10	Tetracyclin HCl	500mg	Uống	Viên nang	Viên	10.000		4	6 tháng
11	T.11	Piracetam	800mg	uống	Viên	Viên	5.000		4	6 tháng
12	T.12	Cephalexin (dưới dạng Cephalexin monohydrat)	500mg	Uống	Viên nang	Viên	30.000		1	6 tháng
13	T.13	Eperison	50mg	Uống	Viên	Viên	10.000		4	6 tháng
14	T.14	Cao bình vôi (tương ứng với củ bình vôi 150mg) 49,5mg; Cao mimosa (tương ứng với: lá sen 180mg; lạc tiên 600mg; lá vông nem 600mg; trinh nữ 638mg) 242mg	Bình vôi 150mg 180mg 600mg 600mg 638mg	Uống	Viên	Viên	1.100		4	6 tháng
15	T.15	Enalapril maleat	10 mg	Uống	Viên	Viên	3.000		2	6 tháng
16	T.16	Paracetamol	500mg	Uống	Viên	Viên	100.000		1	6 tháng

17	T.17	Bisacodyl	5mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	Viên	2.000		2	6 tháng
18	T.18	Hyoscin butylbromid	10mg	Uống	Viên	Viên	5.000		1	6 tháng
19	T.19	Cinnarizine	25mg	Uống	Viên	Viên	5.000		1	6 tháng
20	T.20	Diclofenac diethylamine	1,16g/100g gel	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	80		Biệt được gốc	6 tháng
21	T.21	Metronidazol	250mg	Uống	Viên	Viên	12.500		4	6 tháng
22	T.22	Aciclovir	250mg/5g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	250		4	6 tháng
23	T.23	Diethyl phtalat	9,5g/10g	Bôi da	Thuốc dùng ngoài	Lọ	250		4	6 tháng
24	T.24	Aluminum hydroxyd + Magnesi hydroxyd + Simethicon	178mg + 233mg + 30mg	Nhai	Viên nhai	Viên	3.000		4	6 tháng
25	T.25	Trimethoprim + Sulfamethoxazol	160mg + 800mg	Uống	Viên	Viên	10.000		2	6 tháng
26	T.26	Diclofenac natri	75mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	viên	40.000		4	6 tháng
27	T.27	Chymotrypsin	21 microkatal	Uống	Viên	Viên	45.000		2	6 tháng
28	T.28	Cetirizine dihydrochloride	10mg	Uống	Viên	viên	15.000		4	6 tháng
29	T.29	Paracetamol	500 mg	Uống	Viên sùi	Viên	500		3	6 tháng
30	T.30	Ciprofloxacin (dưới dạng Ciprofloxacin hydrochlorid)	500mg	Uống	Viên	Viên	12.500		3	6 tháng

31	T.31	Terpin hydrat + Dextromethorphan hydrobromid	100mg + 5mg	Uống	Viên nang	Viên	45.000	4	6 tháng
32	T.32	Cefixim (dưới dạng cefixim trihydrat)	200 mg	Uống	Viên nang	viên	15.000	4	6 tháng
33	T.33	Omeprazol (dưới dạng Omeprazol pellet 8,5%)	20 mg	Uống	Viên nang	Viên	35.000	4	6 tháng
34	T.34	Ofloxacin	15mg/5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Lọ	950	4	6 tháng
35	T.35	Ibuprofen + Paracetamol	200mg + 325mg	Uống	Viên	Viên	7.500	4	6 tháng
36	T.36	Acid ascorbic	500mg	Uống	Viên nang	Viên	25.000	4	6 tháng
37	T.37	Loperamid hydroclorid	2mg	Uống	Viên nang	Viên	10.000	4	6 tháng
38	T.38	Vitamin B1 + Vitamin B6 + Vitamin B12	200mg + 100mg + 1000mcg	Uống	Viên	Viên	8.000	4	6 tháng
39	T.39	Bambuterol hydroclorid	20 mg	Uống	Viên	Viên	6.000	4	6 tháng
40	T.40	Cao đặc Actiso + Cao đặc Rau đắng đất + Cao đặc Bìm bìm biếc	200mg + 150mg + 16mg	Uống	Viên nang	Viên	5.000	1	6 tháng
41	T.41	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat) + Acid clavulanic (dưới dạng Clavulanat kali)	500mg + 125mg	Uống	Viên	Viên	4.000	3	6 tháng

Mục 2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu kỹ thuật (mang tính kỹ thuật thuần túy) và các yêu cầu khác liên quan đến việc cung cấp thuốc (trừ giá). Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1. Giới thiệu chung về gói thầu

- Tên gói thầu: Mua thuốc y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh cho cán bộ chiến sĩ, phạm nhân 6 tháng đầu năm 2026
- Tên dự toán mua sắm: Mua thuốc y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh cho cán bộ chiến sĩ, phạm nhân 6 tháng đầu năm 2026
- Nguồn vốn: Kinh phí thường xuyên
- Quy mô gói thầu: Danh mục thuốc được nêu tại Mẫu số 00 - Bảng phạm vi cung cấp, tiến độ cung cấp và yêu cầu kỹ thuật của thuốc
- Địa điểm thực hiện: Xã Tân Linh, Tỉnh Lâm Đồng
- Thời gian thực hiện gói thầu: 6 tháng

2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với thuốc thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu.

Yêu cầu về mặt kỹ thuật chung là các yêu cầu về thuốc (bao gồm: Tên hoạt chất, Nồng độ, Hàm lượng, Đường dùng, Dạng bào chế, Đơn vị tính- và Nhóm thuốc được nêu tại Mẫu số 00 - Biểu mẫu dự thầu Chương IV.

3. Các yêu cầu khác liên quan đến việc cung cấp thuốc

Yêu cầu về tiến độ cung cấp, quy trình cung cấp hàng hóa

Nhà thầu phải có cam kết bằng văn bản thuốc phải được giao đầy đủ số lượng trong hợp đồng, được chia thành nhiều đợt tùy theo nhu cầu của chủ đầu tư trong thời gian thực hiện hợp đồng, thông tin và tiêu chuẩn thuốc cung cấp phải đúng theo thông tin đã cung cấp trong E-HSDT. Trường hợp có dấu hiệu nhà thầu không đáp ứng được số lượng tại E – HSMT hoặc không đáp ứng cung ứng thuốc đúng với thông tin và tiêu chuẩn thuốc đã cung cấp trong E-HSDT, chủ đầu tư sẽ yêu cầu nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh số lượng thuốc của doanh nghiệp đáp ứng số lượng tại E-HSMT như yêu cầu bổ sung thẻ kho thể hiện xuất nhập tồn mặt hàng thuốc dự thầu kèm hóa đơn mua vào, bán ra tương ứng,... hoặc các tài liệu khác tương đương chứng minh tính khả thi thực hiện gói thầu. Trường hợp nhà thầu không cung cấp được các tài liệu theo yêu cầu hoặc có cung cấp nhưng không chứng minh được tính khả thi trong việc thực hiện gói thầu thì E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.

Địa điểm cung cấp: Trại giam Huy Khiêm - Xã Tân Linh, Tỉnh Lâm Đồng

Thời gian giao hàng: Thuốc phải được giao trong vòng 48 giờ kể từ khi nhận được đơn đặt hàng từng đợt của Chủ đầu tư (Qua điện thoại, email,...)

Nhà thầu phải có thuyết minh quy trình tổ chức cung cấp thuốc phù hợp với quy mô của gói thầu, tuân thủ nguyên tắc thực hành tốt từ khâu đánh giá, lựa chọn nhà cung cấp, nhập hàng, cấp phát, vận chuyển và giao hàng, đảm bảo được chất lượng thuốc khi bàn giao cho đơn vị sử dụng. Có phương tiện vận chuyển thuốc khả thi, phù hợp với quy mô gói thầu, đảm bảo đáp ứng yêu cầu về nhiệt độ và độ ẩm bảo quản trên nhãn trong suốt quá trình giao hàng (Kèm tài liệu chứng minh).

Trường hợp nhà thầu không có thuốc cung ứng, cung ứng thuốc không đúng với các thông số đã cung cấp trong E-HSDT hoặc thời gian cung ứng chậm trễ theo hợp đồng, nhà thầu phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về mặt tài chính theo yêu cầu của chủ đầu tư và được xem là chậm tiến độ/không hoàn thành hợp đồng.

Yêu cầu về chất lượng thuốc cung cấp

Nhà thầu phải có cam kết bằng văn bản đáp ứng các yêu cầu sau:

- Cam kết hàng hóa mới 100%, xuất xứ rõ ràng, còn nguyên đai, nguyên kiện, đảm bảo đạt tiêu chuẩn chất lượng tiêu chuẩn của nhà sản xuất trong các đợt giao hàng cho đơn vị theo kết quả trúng thầu của gói thầu này (nếu trúng thầu).
 - Cam kết thuốc được cung ứng nếu trúng thầu với các thông số về tên thuốc, hàm lượng, đơn vị, đơn giá, quy cách, GMP, Visa/GPNK/GPLH theo đúng thông tin trong E-HSDT đã nộp.
 - Cam kết sẵn sàng thay thế lô sản phẩm khi không đảm bảo chất lượng sử dụng do lỗi kỹ thuật.
 - Cam kết thu hồi thuốc và chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong trường hợp thuốc đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của Chủ đầu tư.
 - Cam kết về hạn sử dụng còn lại của thuốc trúng thầu tính từ thời điểm thuốc cung ứng cho đơn vị theo yêu cầu của chủ đầu tư.
 - Chịu phí tổn, đảm bảo thực hiện kiểm nghiệm, đánh giá chất lượng khi có yêu cầu.
 - Đảm bảo điều kiện bảo quản thuốc theo nguyên tắc thực hành tốt cho đến khi cung cấp đến đơn vị.
 - Cam kết có cơ chế giải quyết các hư hỏng, khuyết tật, thuốc kém chất lượng, phản ứng có hại của thuốc phát sinh trong quá trình sử dụng thuốc:
- + Trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được thuốc Chủ đầu tư thông báo cho Nhà thầu về các hư hỏng, khuyết tật, thuốc kém chất lượng, phản ứng có hại của thuốc phát sinh;
 - + Trong thời hạn 03 ngày Nhà thầu phải tiến hành khắc phục các hư hỏng, khuyết tật, thuốc kém chất lượng, phản ứng có hại của thuốc sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư;

- + Chi phí cho việc khắc phục các hư hỏng, khuyết tật, thuốc kém chất lượng, phản ứng có hại của thuốc và Nhà thầu phải chịu toàn bộ chi phí cho việc khắc phục.

Yêu cầu về uy tín của nhà thầu:

Nhà thầu phải có cam kết bằng văn bản chưa từng vi phạm một trong những nội dung đánh giá về uy tín trong việc tham dự thầu theo quy định tại khoản 1, Điều 20, Nghị định 214/2025/NĐ-CP cụ thể như sau:

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất khi được mời đối chiếu tài liệu;
- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng (nếu có) hoặc đã tiến hành nhưng từ chối hoặc không ký kết biên bản thương thảo hợp đồng trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất khi được mời vào thương thảo hợp đồng;
- Nhà thầu được lựa chọn trúng thầu nhưng không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung hoặc không ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung;
- Nhà thầu đã ký thỏa thuận khung nhưng không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng hoặc không ký kết hợp đồng;
- Nhà thầu rút hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất;
- Nhà thầu không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của chủ đầu tư hoặc không nộp tiền mặt, séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
- Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng;
- Nhà thầu từ chối hoặc không xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày chủ đầu tư mời nhà thầu xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc đã trúng thầu nhưng không thực hiện theo cam kết trong đơn dự thầu đối với chào giá trực tuyến rút gọn

Nhà thầu cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước cơ quan có thẩm quyền, pháp luật về tính chính xác, trung thực của các cam kết này. Nếu nhà thầu cam kết, kê khai thông tin không trung thực hoặc bên mời thầu có tài liệu, bằng chứng nhà thầu vi phạm 1 trong những điều trên thì nhà thầu sẽ được xem là có hành vi gian lận và chịu xử lý theo quy định của Luật đấu thầu.

Yêu cầu về các tài liệu phải nộp cùng E-HSDT

Nhà thầu phải nộp cùng E-HSDT các tài liệu để chứng minh thông tin thuốc dự thầu: Tài liệu chứng minh tính hợp lệ của thuốc, tài liệu chứng minh thông tin thuốc và các yêu cầu liên quan khác về tài liệu theo hướng dẫn của E-HSMT. Các tài liệu này là

một phần yêu cầu của E-HSDT để chủ đầu tư có đầy đủ cơ sở để đánh giá tính đáp ứng của E-HSDT so với yêu cầu của E-HSMT. Trường hợp nhà thầu không cung cấp một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu thì được xem là bỏ sót nội dung, E-HSDT của nhà thầu sẽ không được xem xét và đánh giá

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có: Các tiêu chí của thuộc đã đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước chi tiết Theo quy định tại Mục 22.1 ĐKC.

Nhà thầu phải thực hiện kiểm tra tình trạng hàng hóa trước khi giao hàng. Toàn bộ hàng hóa sẽ được kiểm tra hoặc sử dụng thử (nếu Chủ đầu tư có yêu cầu) trước khi bàn giao và nghiệm thu.

Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa nhà thầu cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của E-HSMT được phê duyệt.

Thời gian, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm: Chủ đầu tư sẽ thông báo cụ thể cho Nhà thầu trong quá trình thực hiện hợp đồng.

Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền từ chối và Nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Chủ đầu tư có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Bên B chịu

Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Chủ đầu tư không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Nhà thầu.